

Bản án số: 10/2020/HSST

Ngày: 19/3/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Th3 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Lát.
2. Bà Lê Thị Mười.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Tú Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm Sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đy Na, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Lâm Thanh T, sinh năm 1998; tại V C, Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp V T B, xã V H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Khmer ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lâm L (s) và bà Lai Chí H (s); Anh, chị, em ruột có: 02 người; Vợ: Kim Thị L1 và 01 đứa con; Tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/10/2019 cho đến nay; (Bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Ninh, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

Bị hại: Lai Thị Mỹ L2, sinh ngày 20/10/2005; (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lai Thị Mỹ L2: Ông Lai Văn Th3, sinh năm 1985; (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp Â T A, xã V H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Lương Thị Ngọc Hân, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

** Người làm chứng:*

1. Sơn Thị Ú, sinh năm 1946; Nơi cư trú: Ấp Á T A, xã V H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

2. Kim Thị L1, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Ấp V T B, xã V H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

** Người phiên dịch tiếng Khmer:* Ông Sơn Chốt – nguyên cán bộ Đài truyền thanh thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 01/10/2019, bị cáo Lâm Thanh T sau khi uống rượu xong về nằm ngủ trên võng trước nhà của bà Sơn Thị Ú thuộc ấp Á T A, xã V H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng. Lúc này bị cáo Lâm Thanh T phát hiện bị hại Lai Thị Mỹ L2 nằm ngủ trên giường trong nhà bà Ú, nên nảy sinh ý định giao cấu. Sau đó, bị cáo Lâm Thanh T đi vào nhà chui vào bên trong mùng không chế bị hại L2 để tiến hành giao cấu. Trong lúc đang giao cấu, bị hại L2 kháng cự và khóc lớn tiếng, sợ bị phát hiện nên bị cáo T bỏ chạy về nhà. Sau khi sự việc xảy ra, bị hại L2 nói lại cho cha mẹ biết và gia đình đi trình báo với Công an xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu yêu cầu xử lý bị cáo Lâm Thanh T theo quy định của pháp luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu bị cáo Lâm Thanh T đã thừa nhận có hành vi dùng vũ lực không chế bị hại Lai Thị Mỹ L2 để thực hiện việc giao cấu trái ý muốn của bị hại L2.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-VC ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu truy tố bị cáo Lâm Thanh T về tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” theo điểm a khoản 1 Điều 142 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:*

Bị cáo Lâm Thanh T có hành vi dùng vũ lực không chế bị hại Lai Thị Mỹ L2 để tiến hành giao cấu trái ý muốn của bị hại L2. Xét thấy, hành vi của bị cáo Lâm Thanh T có đủ yếu tố cấu Th3 tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 142 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lâm Thanh T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lâm Thanh T phạm tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*”.

+ Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 142; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lâm Thanh T mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Lai Văn Th3 là người đại diện hợp pháp của bị hại Lai Thị Mỹ L2 và bị cáo Lâm Thanh T: Bị cáo Lâm Thanh T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm và các khoản chi phí hợp lý khác theo quy định của pháp luật cho bị hại Lai Thị Mỹ L2 với số tiền là 75.555.000 đồng, được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo T đã bồi thường trước cho bị hại.

- Tại phiên tòa, Vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Lâm Thanh T trình bày:

Thông nhất với tội danh, khung hình phạt cũng như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố và ý kiến luận tội của Vị Kiểm sát viên. Vị Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của Vị Kiểm sát viên. Tuy nhiên, Vị Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lâm Thanh T thực hiện chưa đến cùng để quyết định hình phạt; Do bị cáo Lâm Thanh T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lâm Thanh T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà viện kiểm sát đã truy tố và xử phạt bị cáo T mức án 05 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa bị cáo Lâm Thanh T trình bày:

Bị cáo Lâm Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, thống nhất ý kiến đề nghị của Vị Kiểm sát viên và ý kiến của người bào chữa; Về trách nhiệm dân sự: Đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 75.555.000 đồng theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại Lai Thị Mỹ L2, được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo T đã bồi thường trước cho bị hại..

- Tại phiên tòa, Vị Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lai Thị Mỹ L2 trình bày:

Thông nhất với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố và ý kiến luận tội của Vị Kiểm sát viên. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của người đại diện hợp pháp cho bị hại Lai Thị Mỹ L2 với bị cáo Lâm Thanh T tại phiên tòa.

- Tại phiên tòa, ông Lai Văn Th3 là người đại diện hợp pháp cho bị hại Lai Thị Mỹ L2 trình bày:

Thông nhất với đề nghị của Vị Kiểm sát viên và nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo và ý kiến của Vị Trợ giúp viên pháp lý. Về trách nhiệm dân sự: yêu cầu bị cáo Lâm Thanh T bồi thường các khoản chi phí gồm: Chi phí nằm viện, tiền xe, thất công lao động, tiền bồi dưỡng sức khỏe. tiền bù đắp tổn thất tinh thần... với số tiền là 75.555.000 đồng, được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng mà bị

cáo T đã bồi thường trước cho bị hại; Về trách nhiệm hình sự: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lâm Thanh T.

- *Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra những người làm chứng gồm bà Sơn Thị Ú, Kim Thị L1 trình bày:*

Việc bị cáo Lâm Thanh T có hành vi khống chế bị hại Lai Thị Mỹ L2 để thực hiện hành vi giao cấu bà Ú và bà L1 không trực tiếp chứng kiến. Sau khi sự việc xảy ra, Công an đến mời làm việc thì mới biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại xuất trình chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật; bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về hành vi quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa: Người bị hại Lai Thị Mỹ L2 có đơn xin xét xử vắng mặt và người làm chứng bà Sơn Thị Ú vắng mặt. Nhận thấy, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa vị Kiểm sát viên, Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa cũng đề nghị xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng. Xét thấy, sự vắng mặt của bị hại, người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về chứng minh và chứng cứ: Xét thấy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 85, 86, 87, 88, 91, 92, 98, 100, 102, 104, 108 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, các biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường cũng như các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Lâm Thanh T đã có hành vi dùng vũ lực khống chế bị hại Lai Thị Mỹ L2 ép buộc bị hại để thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn của bị hại nhằm thỏa mãn dục vọng của bị cáo. Tại thời điểm bị cáo T thực hiện hành vi giao cấu, bị hại L2 chưa đủ 16 tuổi. Xét thấy, hành vi của bị cáo Lâm Thanh T đã phạm tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 142 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cho nên, Cáo trạng số: 05/CT-VKS-VC ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu truy tố bị cáo Lâm Thanh T về tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” được quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 142 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[5] Tại phiên tòa bị cáo Lâm Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, bị cáo Lâm Thanh T xác định Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” là không oan sai và thống nhất với ý kiến luận tội của Viện Kiểm sát viên, ý kiến trình bày của người bào chữa và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[6] Động cơ phạm tội của bị cáo Lâm Thanh T chỉ vì sự ham muốn, thỏa mãn nhu cầu tình dục quá độ của mình, nên bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực khống chế bị hại Lai Thị Mỹ L2 để thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn của bị hại L2. Ý thức chủ quan của bị cáo T là phạm tội do cố ý.

[7] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Thanh T là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo biết rõ bị hại Lai Thị Mỹ L2 chưa đủ 16 tuổi và là con của Cậu ruột của mình, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi giao cấu bất chấp vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức. Xét thấy, hành vi của bị cáo T không những xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của bị hại L2, mà còn gây tổn hại về tinh thần cho bị hại và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Hiện nay, tình hình tội phạm xâm hại tình dục xảy ra ngày càng nhiều và dư luận xã hội rất bức xúc. Vì vậy, đối với bị cáo Lâm Thanh T phải xử phạt thật nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian hợp lý để cải tạo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở Th3 người công dân có ích cho xã hội sau này, cũng như nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lâm Thanh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội bị cáo Lâm Thanh T có Th3 khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng; Bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo là người dân tộc Khmer và có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, ghi nhận sự thỏa thuận giữa người đại diện hợp pháp của bị hại Lai Thị Mỹ L2 và bị cáo Lâm Thanh T: Bị cáo Lâm Thanh T có nghĩa vụ bồi thường bị thiệt hại danh dự, nhân phẩm và các khoản chi phí hợp lý khác theo quy định của pháp luật cho bị hại Lai Thị Mỹ L2 với số tiền là 75.555.000 đồng, được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo T đã bồi thường trước cho bị hại. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa bị cáo T và người đại diện hợp pháp của bị hại L2 là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Về xử lý vật chứng: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy, bị cáo Lâm Thanh T thuộc đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[13] Tại phiên tòa, xét thấy đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Thanh T và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người bị hại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Tại phiên tòa, Vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Lâm Thanh T đề nghị chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ theo ý kiến luận tội của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, Vị Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội chưa thực hiện đến cùng là không có căn cứ, nên hội đồng xét xử không chấp nhận; Đồng thời, đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lâm Thanh T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố với mức án 05 năm tù là chưa đảm bảo tính răn đe giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[15] Tại phiên tòa, xét thấy đề nghị của Vị Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lai Thị Mỹ L2 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Thanh T, phạm tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*”.

Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 142; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Lâm Thanh T: **07 (bảy) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 02/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các Điều 357, 584, 585, 586 và 592 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Lâm Thanh T với người đại diện hợp pháp của bị hại Lai Thị Mỹ L2: Bị cáo Lâm Thanh T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại Lai Thị Mỹ L2 và người đại diện hợp pháp của bị hại Lai Thị Mỹ L2 với số tiền là 75.555.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng mà gia đình bị cáo T đã bồi thường trước cho bị hại, bị cáo Lâm Thanh T còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là: **72.555.000 đồng (Bảy mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng)**.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại Lai Thị Mỹ L2 và người đại diện hợp pháp của bị hại Lai Thị Mỹ L2 có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo Lâm Thanh T còn phải trả lãi cho bị hại Lai Thị Mỹ L2 và người đại diện hợp pháp của bị hại Lai Thị Mỹ L2 theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Không có, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lâm Thanh T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp của bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Cơ quan THAHS CA thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- CQĐT CA thị xã Vĩnh Châu;
- Sở TP tỉnh Sóc Trăng;
- BC; Bị hại; NĐDHPCBH;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ST;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương